

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÝ NHÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 9 - 2020

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Kiệm;

2. Ông Phạm Quốc Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân tham gia phiên tòa:
Ông Trương Hoàng Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Thôn S, xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam; vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19 tháng 5 năm 2020, bản tự khai, lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L; bản tự khai của bị đơn anh Nguyễn Văn K và các tài liệu lưu trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L kết hôn với anh Nguyễn Văn K là tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 1992 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Theo chị L trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng nhà với bố mẹ chồng, vợ chồng tôi chung sống hoà thuận hạnh phúc được vài năm, sau đó vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống hàng ngày do anh

K cục tính đánh chửi chị, ném vung xoong com làm rách tay, chị phải ra trạm y tế xã băng bó vết thương. Đến năm 2000, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn căng thẳng, cãi nhau thường xuyên, anh K thường xuyên đánh, chửi chị. Đến tháng 02/2001 (âm lịch) chị cảm thấy không thể tiếp tục chung sống với anh K nên đã bỏ đi làm ăn, vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, ly thân đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Ý kiến của anh Nguyễn Văn K: Anh xác định vợ chồng chung sống với nhau từ năm 1992 đến năm 2001 thì chị L bỏ đi làm ăn cho đến nay, vợ chồng ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay chị L đề nghị được ly hôn với anh, anh chỉ đồng ý ly hôn nếu chị L đền bù tiền nuôi con cho anh từ khi chị L bỏ nhà đi cho đến khi các cháu trưởng thành.

- Về con chung: Chị L xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng K, sinh năm 1995 và cháu Nguyễn Văn P, sinh năm 1999. Hiện nay các cháu đều đã trên 18 tuổi, tự lập nên chị L không yêu cầu Toà án giải quyết. Anh K đề nghị chị L phải bồi thường (đền bù) tiền nuôi con cho anh K từ khi chị L bỏ nhà đi (năm 2001) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản, nợ chung và các vấn đề khác: Chị L, anh K đều không yêu cầu Toà án giải quyết.

Toà án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh K vắng mặt không có lý do; chị L đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải vụ án nên Toà án không tiến hành hoà giải được.

Tại phiên toà: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Văn K. Các con chung của vợ chồng đều trên 18 tuổi, tự lập nên chị không yêu cầu Toà án phải giải quyết; không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, vắng mặt phiên toà lần thứ hai nên đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị giải quyết ly hôn giữa chị L, anh K theo quy định tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình. Về con chung: Cháu Nguyễn Thị Hồng K, sinh năm 1995, và cháu Nguyễn Văn P, sinh năm 1999, hiện nay các cháu đều đã trên 18 tuổi, tự lập, nên không xem xét.

Về yêu cầu của anh K đòi chị L bồi thường tiền nuôi con từ năm 2001 đến khi các cháu đủ 18 tuổi: Xét yêu cầu này không phù hợp với các quy định của pháp luật vì việc nuôi con là quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên cần bác yêu cầu này của anh K.

Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Chị Liên phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do chị Nguyễn Thị L cung cấp, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tuy nhiên, bị đơn anh Nguyễn Văn K không tham gia tố tụng, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Khiên theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn K là hợp pháp, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam vào năm 1992. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn căng thẳng do anh Khiên thường xuyên chửi, đánh chị L, chị Liên thấy không thể chung sống cùng với anh K được nên đã bỏ nhà đi từ năm 2001, vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ tình cảm; anh K cũng xác định chị L bỏ nhà đi từ nhiều năm vợ chồng không còn quan hệ gì.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương và nơi cư trú của anh K đều xác định, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng chị L, anh K không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chị L bỏ nhà chồng đi từ khoảng năm 2001, ly thân với anh K cho đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, anh K không hợp tác làm việc, không tham gia hoà giải, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị L và anh K có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng K, sinh năm 1995 và cháu Nguyễn Văn P, sinh năm 1999. Các cháu đều

trên 18 tuổi, tự lập, chị L và anh K không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự đều không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về yêu cầu của anh K đòi chị L phải bồi thường tiền nuôi con chung (cháu K và cháu P) từ khi chị L bỏ nhà đi (năm 2001) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi: Xét thấy, trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là nghĩa vụ và quyền của cha mẹ theo quy định tại Điều 69 Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, yêu cầu này của anh K không phù hợp với quy định của pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn K.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng. Đối trừ vào tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0003694 ngày 22/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Bác các yêu cầu khác của đương sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- UBND xã Đ;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Quốc Huy